TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 18-5-2020
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Cương.
Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 (Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 07/5/2020) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: Ấp M, xã T1, huyện Đ1, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Minh Đ - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Ấp M, xã T1, huyện Đ1, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp M, xã T1, huyện Đ1, tỉnh L.

Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-10-2019, đơn khởi kiện bổ sung lần 1 ngày 17-12-2019, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu: Ngày 06-01-2015 và vụ hè thu năm 2015 bà T bán phân tro cho vợ chồng ông Đ,

bà N với tổng số tiền 108.543.000 đồng, thỏa thuận cuối vụ hè thu (tháng 7 năm 2015) thì trả, với lãi suất chậm trả 3%/tháng. Hai bên đối chiếu sổ ngày 14-4-2016 tổng số tiền mua phân tro là 108.543.000 đồng nhưng ông Đ, bà N không trả tiền cho bà T nên hàng năm bà T yêu cầu viết giấy biên nhận lại ghi cả tiền gốc và tiền lãi gồm các biên nhận ngày 14-7-2017 (ghi chung biên nhận số tiền gốc lần đầu tiên ngày 14-4-2016), biên nhận ngày 5-10-2018 và biên nhận cuối cùng ngày 18-2-2019. Trong biên nhận cuối cùng 18-2-2019, ông Đ và bà N nhận nợ với tổng số tiền 255.000.000 đồng gồm 108.543.000 đồng tiền mua phân tro và 146.457.000 đồng tiền lãi. Bà T yêu cầu ông Đ và bà N trả tổng cộng 201.036.000 đồng gồm 108.543.000 đồng tiền mua phân tro và 92.493.000 đồng tiền lãi (cách tính: lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 14-4-2016 đến ngày 31-12-2016 là 256 ngày x 27.135 đồng/ngày = 6.946.560 đồng + lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01-01-2017 đến ngày 15-12-2019 (ngày nộp đơn khởi kiện) là 1.425 ngày x 60.033 đồng/ngày = 85.547.000 đồng) và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà T đề nghị điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định pháp luật là 1,125%/tháng tính từ ngày 14-4-2016 đến ngày 18-5-2020. Bà T có nhận của ông Đ và bà N 20.000.000 đồng tiền lãi ngày 18-02-2019, đề nghị trừ vào số tiền lãi phát sinh của ông Đ, bà N. Bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với ông Đ, bà N về số tiền lãi vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định.

Ông Đỗ Minh Đ và bà Nguyễn Thị N trình bày: Từ năm 2016, vợ chồng ông Đ và bà N có mua phân tro của bà T thỏa thuận cuối mỗi vụ sẽ trả tiền, nếu chậm trả phải chịu tiền lãi 3%/tháng trên tổng số tiền chậm trả. Sau khi cộng sổ thì ông Đ và bà N còn nợ bà T 86.151.000 đồng tiền mua phân tro. Ông Đ, bà N có vay của bà T 15.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Bà T cộng chung lại thành 101.151.000 đồng. Ông Đ, bà N đã trả cho bà T hơn 40.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận. Bà T có yêu cầu ông Đ, bà N ký giấy nhận nợ với tổng số tiền 255.000.000 đồng gồm tiền mua phân tro, tiền vay và lãi. Ông Đ, bà N đồng ý trả cho bà T 60.000.000 đồng tiền gốc, không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa: ông Đ, bà N thừa nhận còn nợ bà T 108.543.000 đồng tiền mua phân tro. Ông Đ, bà N đồng ý trả cho bà T 108.543.000 đồng tiền mua phân tro. Về tiền lãi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ1 phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa ông Đ, bà N thừa nhận có nợ bà T 108.543.000 đồng tiền mua phân tro, bà T đề nghị điều chỉnh mức lãi suất theo quy định pháp luật là có cơ sở. Đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền gốc 108.543.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính theo lãi suất được pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Đỗ Minh Đ và bà Nguyễn Thị N yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán phân tro. Ông Đ và bà N cư trú tại huyện Đ1 tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ1 theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật áp dụng: giao dịch dân sự giữa các bên được xác lập trước ngày 01-01-2017 và chưa thực hiện xong thì phát sinh tranh chấp nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án này.

[3]. Ông Đ và bà N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (02 lần), nhưng ông Đ, bà N không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5]. Nội dung các bên thống nhất: hợp đồng mua bán phân tro có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, ngày đối chiếu sổ là 14-4-2016 tổng cộng ông Đ, bà N còn thiếu bà T 108.543.000 đồng tiền mua phân tro, bà N có ký tên. Sau đó vì ông Đ, bà N không trả tiền nên từng năm bà T yêu cầu viết 01 biên nhận mới ghi tổng số tiền mua tro còn thiếu và tiền lãi (gồm các biên nhận ngày 14-7-2017, 10-5-2018, 18-02-2019). Bà T đã nhận của vợ chồng ông Đ, bà N 20.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 18-02-2019.

[6]. Tại phiên tòa, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Đ và bà N về số tiền lãi vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện. Ông Đ và bà N không có ý kiến gì về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Đ và bà N.

[7]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền 108.543.000 đồng bán phân tro: Tại phiên tòa, ông Đ và bà N đều thừa nhận còn nợ bà T 108.543.000 đồng và đồng ý trả cho bà T 108.543.000 đồng tiền mua tro còn thiếu nên Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc ông Đ và bà N trả cho bà T 108.543.000 đồng.

[8]. Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất 1,125%/tháng, tính lãi từ ngày 14-4-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (18-5-2020). Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/năm. Theo Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản tức là không quá 1,125% do đó mức lãi suất bà T yêu cầu là phù hợp. Tính tiền lãi thành 59.997.142 đồng - từ ngày 14-4-2016 đến ngày 18-5-2020 là 49 tháng 04 ngày (cách tính: (108.543.000 đồng x 1,125%/tháng x 49 tháng) + (108.543.000 đồng x 1,125%/tháng : 30 x 4) = 59.997.142 đồng), trừ lại 20.000.000 đồng tiền lãi bà T đã nhận nên cần buộc ông Đ, bà N phải trả cho bà T tổng cộng 39.997.142 đồng tiền lãi.

[9]. Từ những nhận định tại các mục [6], [7], [8], cần buộc ông Đ và bà N phải trả cho bà T tổng cộng 148.540.142 đồng gồm 108.543.000 đồng tiền mua phân tro và 39.997.142 đồng tiền lãi. Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án.

[10]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ1 là có cơ sở chấp nhận.

[11]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ và bà N phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà T là 7.427.007 đồng (tính như sau: 148.540.142 đồng x 5%). Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 428, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đỗ Minh Đ và bà Nguyễn Thị N với số tiền 52.495.858 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đỗ Minh Đ và bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" với số tiền 148.540.142 đồng.

Buộc ông Đỗ Minh Đ và bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 148.540.142 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi

nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng) gồm 108.543.000 đồng tiền mua phân tro và 39.997.142 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Minh Đ và bà Nguyễn Thị N phải chịu 7.427.007 đồng (bảy triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm lẻ bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà T 5.025.900 đồng (năm triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004881 ngày 17-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ1.

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.